

Bản án số: 146/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Bà **ĐOÀN THỊ THOA**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN VĂN HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **DƯƠNG KIM C**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **TRẦN VĂN Đ**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Kim C trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Đ kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng, thường tranh cãi và chính thức ly thân luôn từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Con chung: Có 02 cháu tên Trần Công T, sinh ngày 20/5/2005, Trần Công D, sinh ngày 05/5/2007. Nay các cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Nếu Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 cháu, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Tại Toà, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh Đ vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị cho chị C được ly hôn anh Đ, giao cháu T cho anh Đ nuôi, giao cháu D cho chị C nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Trần Văn Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, chị C trình bày chị và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng, thường tranh cãi gây mất tình cảm và chính thức ly thân luôn từ đó đến nay. Nay chị C cương quyết ly hôn anh Đ. Về phía anh Đ thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn hay tranh cãi gì nên anh không đồng ý ly hôn căn cứ vào lời khai của anh có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, cho chị C được ly hôn anh Đ là có cơ sở. Bởi lẽ, anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2016 đến nay mà không có biện pháp nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm, cũng như anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án nào thuyết phục chị C để vợ chồng sum họp, sắp xếp lại cuộc sống gia đình hiện tại lo cho con cái do đó cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Có 02 cháu tên Trần Công T, sinh ngày 20/5/2005 hiện đang sống với anh Đ, Trần Công D, sinh ngày 05/5/2007 hiện đang sống với chị C. Xét thấy, tiếp tục giao cháu T cho anh Đ nuôi, giao cháu D cho chị C nuôi là phù hợp. Bởi lẽ, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của hai cháu và bản thân cháu T cũng có ước nguyện được sống với cha, còn cháu D thì mong muốn được sống với mẹ. Từ đó, giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Không có yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh chị đều trình bày không có nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Kim C. Cho chị Dương Kim C được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Công T, sinh ngày 20/5/2005 cho anh Trần Văn Đ nuôi; giao cháu Trần Công D, sinh ngày 05/5/2007 cho chị Dương Kim C nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Dương Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06700 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

